

Số: /BC-STTTT

Nam Định, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá kết thúc Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ văn bản số 3572/BTTTT-KHTC ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo đánh giá kết thúc CTMT CNTT giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại văn bản số 613/UBND-VP7 ngày 20/9/2021; Sở Thông tin và Truyền thông xin được báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh báo cáo đánh giá kết thúc CTMT CNTT giai đoạn 2016-2020, nội dung cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 – 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình, hướng dẫn của cơ quan chủ trì - Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh Nam Định giao Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình được thực hiện tại tỉnh Nam Định trong 03 năm (năm 2018-2020), trên cơ sở nguồn kinh phí sự nghiệp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, tỉnh Nam Định đã lựa chọn thực hiện 06 nhiệm vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Tính đến ngày 31/12/2020, cả 06 nhiệm vụ đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng tại các địa điểm triển khai và đối tượng thụ hưởng. Các nhiệm vụ, dự án đầu tư hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện được hoàn thành, góp phần cải thiện một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020 của Chương trình.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Về công tác quản lý Chương trình: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định được giao làm đầu mối chủ trì, trực tiếp quản lý và thực hiện, bám sát mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình, chủ động tham mưu đề xuất các nhiệm vụ, dự án đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí được phân bổ và nhu cầu thực tế của tỉnh; phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các công tác khảo sát, thu thập thông tin dữ liệu, tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ của Chương trình đảm bảo có hiệu quả, tiến độ, tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ ngành liên quan.

- Về công tác chỉ đạo điều hành: Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình của cơ quan chủ quản cơ bản hợp lý, hướng dẫn cụ thể về đầu mối tham mưu thực hiện, hướng dẫn thực hiện đối với từng nhiệm vụ đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các kế hoạch, chương trình của địa phương.

- Về cơ chế tổ chức thực hiện: Đối với từng nhiệm vụ, việc tổ chức triển khai thực hiện tuân thủ các quy trình, quy định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; trước khi hoàn thành bàn giao, cơ quan chủ trì có trách nhiệm kiểm thử, vận hành thử để nghiệm thu đưa vào sử dụng; sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin được hình thành từ nhiệm vụ thuộc Chương trình trong quá trình vận hành, khai thác thường xuyên được kiểm tra, theo dõi hướng dẫn để đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Chương trình

Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 phù hợp với việc xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020 và Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định phiên bản 1.0

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Nam Định được bố trí nguồn ngân sách Trung ương (kinh phí sự nghiệp) là: 6.500 triệu đồng. Trong đó: năm 2018 là 2.000 triệu đồng, năm 2019 là 2.000 triệu đồng, năm 2020 là 2.500 triệu đồng. UBND tỉnh Nam Định đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện 06 nhiệm vụ thuộc 05 dự án và hoàn thành giải ngân 6.500 triệu đồng, cụ thể:

a) Nhiệm vụ 01: Chuẩn hóa dữ liệu cũ sang dữ liệu mới phục vụ chính quyền điện tử. Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Nam Định với kinh phí là: 1.200 triệu đồng. Kết quả đạt được:

- Xây dựng được phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức tập trung trong toàn bộ tỉnh, đảm bảo tính thống nhất về thông tin quản lý, quy trình quản lý trong tỉnh;

- Triển khai thí điểm phần mềm tại Sở TT&TT tại tỉnh, từ đó hoàn thiện phần mềm để sẵn sàng triển khai mở rộng trong toàn tỉnh;

- Chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm cũ sang, cập nhật, bổ sung các thông tin, dữ liệu còn chưa đầy đủ;

- Tạo thành CSDL về hồ sơ cán bộ công chức, viên chức của tỉnh, sẵn sàng chia sẻ, tích hợp với các hệ thống khác của tỉnh;

- Nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức, góp phần xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

b) Nhiệm vụ 02: Xây dựng CSDL quản lý các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp, cây trồng. Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Nam Định với kinh phí là: 800 triệu đồng. Kết quả đạt được:

- Xây dựng được CSDL quản lý các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp, các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Từ dữ liệu quản lý, hỗ trợ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong việc định hướng phát triển về nông nghiệp và các làng nghề truyền thống

- Hiện thị các thông tin dữ liệu các vùng nuôi trồng thủy sản, các vùng trồng trọt, các làng nghề truyền thống trên bản đồ miễn phí (google map).

- Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu hình ảnh về cơ sở sản xuất, vùng sản xuất nông nghiệp, trồng trọt của tỉnh trên cổng thông tin điện tử.

c) Nhiệm vụ 03: Tạo lập, chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND tỉnh Nam Định với kinh phí là: 2.000 triệu đồng. Kết quả đạt được:

- Xây dựng được các quy trình chuẩn hóa của các dịch vụ công lĩnh vực văn hóa, thông tin của tỉnh, đưa các quy trình được chuẩn hóa vào quản lý để tiếp nhận hồ sơ hành chính của tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh;

- Hình thành được kho lưu trữ về di sản, di tích, văn hóa trong tỉnh giúp việc quản lý và khai thác nội dung dữ liệu được dễ dàng, nhanh chóng hơn thông qua việc quản lý, truy xuất dữ liệu điện tử.

- Việc số hóa và quy chuẩn dữ liệu hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ quản lý sẽ là cơ sở và nguồn thông tin, dữ liệu quan trọng để thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính Nhà nước trên các lĩnh vực, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác cải cách hành chính. Nâng cao quản lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu của UBND tỉnh được hiệu quả, thuận lợi, an toàn góp phần phục vụ nhân dân kịp thời, chính xác.

- Xây dựng được ứng dụng phần mềm quản lý các dữ liệu số hóa về di sản, văn hóa. Việc ứng dụng phần mềm quản lý di sản văn hóa, du lịch với đầy đủ dữ liệu có tính chính xác cao mang lại những lợi ích to lớn: Giúp cho các lãnh đạo các cấp có các quyết định đúng đắn trong việc định hướng phát triển về lĩnh vực văn hóa; Tra cứu nhanh được tình hình phát triển về lĩnh vực văn hóa; giảm thiểu thời gian, công sức đi tìm kiếm, tra cứu hồ sơ, tài liệu; giúp cho quá trình xây dựng báo cáo tổng hợp, giải quyết công việc được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, chính xác; Giúp người dân, doanh nghiệp tra cứu được các thông tin giới thiệu hình ảnh về các di tích, cơ sở lưu trú, các sản phẩm du lịch trên trang thông tin điện tử.

d) Nhiệm vụ 04: Nhiệm vụ chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh Nam Định với kinh phí là: 1.000 triệu đồng. Kết quả đạt được:

- Hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh tuân theo mô hình kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, kế thừa các chức năng đã được xây giai đoạn trước, đáp ứng các yêu cầu về tính năng, kỹ thuật được quy định tại các văn bản mới được ban hành của Chính phủ và Bộ Thông tin & Truyền thông và đáp ứng được nhu cầu sử dụng của lãnh đạo, cán bộ chuyên viên trong tỉnh.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được nâng cấp thêm các tính năng hỗ trợ tốt hơn cho công dân, tổ chức cho việc sử dụng và khai thác dịch vụ công của tỉnh, hỗ trợ cho việc giám sát, quản lý, điều hành của lãnh đạo, cán bộ tỉnh trong việc theo dõi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính trong tỉnh, đáp ứng các yêu cầu theo quy định về cung cấp dịch vụ công đơn giản, nhanh, chính xác.

- Xây dựng quy trình quản lý và kiểm soát thủ tục hành chính trong tỉnh, từ các sở ngành đến Phòng Kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh, tích hợp với Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia để trao đổi thông tin về thủ tục hành chính, hồ sơ và trạng thái hồ sơ, tích hợp thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Nâng cao nhận thức và trình độ CNTT: Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ CNTT được thực hiện trong quá trình triển khai nhằm giúp cho cán bộ quản trị hệ thống nâng cao nhận thức, trình độ CNTT đáp ứng khả năng tiếp nhận, vận hành và duy trì hệ thống phần mềm.

e) Nhiệm vụ 05: Nhiệm vụ tạo lập mới cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh. Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh Nam Định với kinh phí là: 1.500 triệu đồng. Kết quả đạt được:

- Sản phẩm phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục là ứng dụng CNTT vào lĩnh vực thi đua, khen thưởng các cấp ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, chạy trên giao diện thân thiện, dễ sử dụng.

- Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục là hệ thống hỗ trợ cho việc quản lý dữ liệu về thi đua khen thưởng theo phạm vi khen thưởng của đơn vị.

- Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục giúp theo dõi quá trình khen thưởng của cá nhân, tập thể để làm cơ sở xét duyệt khen thưởng ở mức cao hơn.

- Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục giúp chiết xuất báo cáo nhanh gọn, giảm bớt gánh nặng trong quá trình lưu trữ và tham vấn tài liệu;

- Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục như một thư viện về quá trình khen thưởng của đơn vị. Khi cần tra cứu hoặc tìm kiếm thông tin sẽ rất nhanh và tiện lợi

- Giúp hình thành cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan về công tác thi đua khen thưởng ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Hệ thống có khả năng lưu trữ lớn, bảo mật cao. Hệ thống được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, tích hợp với các nền tảng dùng chung về hạ tầng, người dùng của tỉnh.

- Tạo lập kho dữ liệu về thông tin cán bộ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, dữ liệu thi đua khen thưởng của các cá nhân giai đoạn 2015 – 2020;

- Nâng cao nhận thức và trình độ CNTT: Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ CNTT được thực hiện trong quá trình triển khai nhằm giúp cho cán bộ quản trị hệ thống, giáo viên nâng cao nhận thức, trình độ CNTT đáp ứng khả năng tiếp nhận, vận hành và duy trì hệ thống mới.

(Chi tiết theo Phụ lục 2a kèm theo)

3. Tổng hợp đánh giá các nguồn lực huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình.

Nội dung, nguyên tắc thực hiện các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện Chương trình. Ngay sau khi được Chính phủ, Bộ Tài chính giao, phân bổ dự toán kinh phí để thực hiện, UBND tỉnh giao dự toán chi cho Sở Thông tin và Truyền thông đầu mỗi chủ trì để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

Trên cơ sở kết quả triển khai của chương trình nhằm tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, tỉnh Nam Định đã bố trí nguồn lực thực hiện số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh trong một số nhiệm vụ, dự án như: "Dự án phát triển hạ tầng khung chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020". Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 và điều chỉnh tại Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 với kinh phí là: 45.007 triệu đồng.

4. Các lợi ích do Chương trình mang lại

Thông qua triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 1.0 các Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm và giai đoạn 2015 - 2020 bước đầu đã hình thành được một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng, đảm bảo phục vụ nhu cầu của Chính quyền điện tử tỉnh đáp ứng các yêu cầu ở hiện tại và tương lai.

Tỉnh đã cung cấp cơ bản các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ công dân và hiệu lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền địa phương.

IV. Các thuận lợi, tồn tại hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

1. Thuận lợi.

Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện, triển khai cụ thể của cơ quan chủ trì Chương trình, việc phân bổ vốn sự nghiệp hỗ trợ cho tỉnh để

thực hiện các nhiệm vụ, dự án hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng, hoàn thiện Chính quyền điện tử làm nền tảng phát triển chính quyền số của tỉnh Nam Định.

2. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân

Chương trình triển khai trong thời gian ngắn và gấp, công tác xác định nhiệm vụ, dự án xuất phát từ mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình bao gồm cả nguồn lực, giải pháp triển khai thực hiện còn khó khăn, hạn hẹp do các văn bản hướng dẫn chưa kịp thời, đồng bộ; phân bổ kinh phí thực hiện chưa đảm bảo tương xứng với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

3. Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu trong xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trong giai đoạn tới, cần chủ động lựa chọn những nhiệm vụ, dự án trọng tâm về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm cân đối, huy động tối đa các nguồn lực, kết hợp lồng ghép trong thực hiện các Chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

IV. Kiến nghị

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Quyết định 942/QĐ-TTg ngày ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết thúc Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Tin học hóa (để phối hợp);
- Lưu: VT, CNTT (thương vụ).

GIÁM ĐỐC

Vũ Trọng Quế

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ
CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

STT	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	ĐVT	KẾT QUẢ THỰC HIỆN (Tính đến thời điểm 31/12/2020)		GHI CHÚ	
1	Bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung		<i>CÓ</i>			
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin (HTTT) của các bộ, ngành, địa phương có nhu cầu được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG)	%	Số lượng HTTT của cơ quan có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với 06 CSDLQG: 05 - Liệt kê chi tiết: - Có 5 HTTT có nhu cầu kết nối. 1, Hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. 2 Hệ thống quản lý văn bản điều hành. 3, Hệ thống email công vụ. 4 Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức. 5, Hệ thống quản lý ngân sách	Số lượng HTTT của cơ quan được kết nối, chia sẻ dữ liệu với 06 CSDLQG: 05 - Liệt kê chi tiết: - Có 5 HTTT có nhu cầu kết nối. 1, Hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. 2 Hệ thống quản lý văn bản điều hành. 3, Hệ thống email công vụ. 4 Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức. 5, Hệ thống quản lý ngân sách	100%	
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) của các địa phương được xử lý trực tuyến tại mức độ 4	%	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của các TTHC đã được xử lý trực tuyến tại mức độ 4 tại cơ quan: 30.004 (năm 2021)	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến và truyền thông của các TTHC đã được xử lý trực tuyến tại mức độ 4 tại cơ quan: 30.004 (năm 2021)	100%	
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) cần trao đổi giữa bộ phận một cửa liên thông được trao đổi qua môi trường mạng	%	Số lượng dịch vụ công mức độ 4 của cơ quan có giải pháp xác thực điện tử tập trung	Tổng số dịch vụ công mức độ 4 của cơ quan	100%	
5	Tỷ lệ dịch vụ công mức độ 4 có giải pháp xác thực điện tử tập trung	%	Tổng số dịch vụ công mức độ 4 của cơ quan: 1.444	Số lượng dịch vụ công mức độ 4 của cơ quan có giải pháp xác thực điện tử tập trung: 1.444	100%	

6	Tỷ lệ hệ thống thông tin (HTTT) từ cấp độ 3 trở lên của bộ, ngành, địa phương được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin (ATTT) phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	%	<p>Tổng số HTTT cấp độ 3 trở lên của địa phương: 06</p> <p>Liệt kê chi tiết</p> <p>1, Trung tâm điều hành, giám sát và xử lý dữ liệu tập trung đa nhiệm tỉnh (IOC)</p> <p>2, Trung tâm dữ liệu tỉnh Nam Định (DC)</p> <p>3, Trung tâm Giám sát an ninh không gian mạng tỉnh (SOC)</p> <p>4, Hệ thống Camera giám sát đô thị thông minh tỉnh</p> <p>5, Hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh</p> <p>6, Hệ thống quản lý văn bản điều hành</p> <p>Hệ thống quản lý ngân sách.</p> <p>Ngoài ra còn có nhiều hệ thống triển khai từ trung ương xuống địa phương</p>	<p>Số lượng HTTT cấp độ 3 trở lên của bộ, ngành, địa phương được áp dụng phương án bảo đảm ATTT phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ (đáp ứng theo Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT hoặc TCVN 11930:2017): 06</p> <p>Liệt kê chi tiết</p> <p>1, Trung tâm điều hành, giám sát và xử lý dữ liệu tập trung đa nhiệm tỉnh (IOC)</p> <p>2, Trung tâm dữ liệu tỉnh (DC)</p> <p>3, Trung tâm Giám sát an ninh không gian mạng tỉnh (SOC)</p> <p>4, Hệ thống Camera giám sát đô thị thông minh tỉnh</p> <p>5, Hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh</p> <p>6, Hệ thống quản lý văn bản điều hành</p> <p>Hệ thống quản lý ngân sách.</p> <p>Ngoài ra còn có nhiều hệ thống triển khai từ trung ương xuống địa phương</p>	100%	
7	Công thông tin điện tử của các bộ, ngành, địa phương được giám sát an toàn thông tin mạng		Có			
8	Số lượng sản phẩm phần cứng điện tử thuộc lĩnh vực vi mạch, chip bán dẫn được hỗ trợ nghiên cứu phát triển	Sản phẩm	Báo cáo số lượng và chi tiết tên các sản phẩm			
9	Số lượng sản phẩm nền tảng dùng trong cơ quan nhà nước và xã hội được	Sản phẩm	Báo cáo số lượng và chi tiết tên các sản phẩm			

	hỗ trợ nghiên cứu phát triển			
10	Số lượng sản phẩm nội dung số phục cơ quan nhà nước được hỗ trợ nghiên cứu phát triển	Sản phẩm		

Thông tin người báo cáo:

- *Họ và tên: Trần Văn Thuởng*
- *Cơ quan, đơn vị công tác: Sở Thông tin và Truyền thông*
- *Chức vụ: Chuyên viên phòng Công nghệ thông tin*
- *Thư điện tử: tranvanthuong.stt@namdinh.gov.vn*
- *Số điện thoại di động: 0916779981*

Phụ lục 02a
CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án, Nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Địa điểm triển khai	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư/Cơ quan chủ trì	Doanh nghiệp triển khai	Tổng mức đầu tư/Tổng dự toán	Nguồn vốn được cấp				Kết quả giải ngân (tính đến 31/01/2021)				Ghi chú
									Nguồn vốn của Chương trình		Nguồn vốn ngoài Chương trình		Nguồn vốn của Chương trình		Nguồn vốn ngoài Chương trình		
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
I	Thực hiện bằng các dự án đầu tư	Không có															
II	Thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp (ngoài DABT)																
1	Chuẩn hóa dữ liệu cũ sang dữ liệu mới phục vụ chính quyền điện tử	- Xây dựng được phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức tập trung trong toàn bộ tỉnh, đảm bảo tính thống nhất về thông tin quản lý, quy trình quản lý trong tỉnh; - Triển khai thí điểm phần mềm tại Sở TT&TT tại tỉnh, từ đó hoàn thiện phần mềm để sẵn sàng triển khai mở rộng trong toàn tỉnh; - Chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm cũ sang, cập nhật, bổ sung các thông tin, dữ liệu còn chưa đầy đủ; - Tạo thành CSDL về hồ sơ cán bộ công chức, viên chức của tỉnh, sẵn sàng chia sẻ, tích hợp với các hệ thống khác của tỉnh; - Nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ	Xây dựng được phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức tập trung trong toàn bộ tỉnh, đảm bảo tính thống nhất về thông tin quản lý, quy trình quản lý trong tỉnh. Số hóa thí điểm Hồ sơ cán bộ công chức, viên chức tại Sở Thông tin và Truyền thông,	Sở Thông tin và Truyền thông	2018 - 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân	1.200		1.200				1.200			

		quan, đơn vị trong việc quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức, góp phần xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh														
2	Xây dựng CSDL quản lý các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp, cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được CSDL quản lý các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp, các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. - Từ dữ liệu quản lý, hỗ trợ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong việc định hướng phát triển về nông nghiệp và các làng nghề truyền thống - Hiện thị các thông tin dữ liệu các vùng nuôi trồng thủy sản, các vùng trồng trọt, các làng nghề truyền thống trên bản đồ miễn phí (google map). - Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu hình ảnh về cơ sở sản xuất, vùng sản xuất nông nghiệp, trồng trọt của tỉnh trên công thông tin điện tử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Xây dựng, triển khai phần mềm CSDL quản lý các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp, các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh - Tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm cho các Sở NN và PTNT. - Thực hiện tạo lập dữ liệu, số hóa tài liệu các cơ sở dữ liệu về làng nghề 	Sở Thông tin và Truyền thông	2018-2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân	800	800				800			
3	Tạo lập, chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến	<p>Xây dựng được các quy trình chuẩn hóa của các dịch vụ công lĩnh vực văn hóa, thông tin của tỉnh, đưa các quy trình được chuẩn hóa vào quản lý để tiếp nhận hồ sơ hành chính của tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh;</p> <p>Hình thành được kho lưu trữ về di sản, di tích, văn hóa trong tỉnh giúp việc quản lý và khai thác nội dung dữ liệu được dễ dàng, nhanh chóng hơn thông qua việc quản lý, truy xuất dữ liệu điện tử.</p> <p>Việc số hóa và quy chuẩn dữ liệu hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ quản lý sẽ là cơ sở và nguồn thông tin, dữ liệu quan trọng để thực hiện đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính Nhà nước trên các lĩnh vực, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác cải cách hành chính. Nâng cao quản lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu của</p>	<p>Xây dựng được phần mềm quản lý di sản văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.</p> <p>Số hóa toàn bộ các di sản văn hóa thuộc quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Chuẩn hóa, tạo Efom cho 100 % DVC mức độ 4, kết nối 730 DVC nên công DVC quốc gia.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân	2000	2000				2000			

		<p>UBND tỉnh được hiệu quả, thuận lợi, an toàn góp phần phục vụ nhân dân kịp thời, chính xác.</p> <p>Xây dựng được ứng dụng phần mềm quản lý các dữ liệu số hóa về di sản, văn hóa. Việc ứng dụng phần mềm quản lý di sản văn hóa, du lịch với đầy đủ dữ liệu có tính chính xác cao mang lại những lợi ích to lớn: Giúp cho các lãnh đạo các cấp có các quyết định đúng đắn trong việc định hướng phát triển về lĩnh vực văn hóa; Tra cứu nhanh được tình hình phát triển về lĩnh vực văn hóa; giảm thiểu thời gian, công sức đi tìm kiếm, tra cứu hồ sơ, tài liệu; giúp cho quá trình xây dựng báo cáo tổng hợp, giải quyết công việc được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, chính xác; Giúp người dân, doanh nghiệp tra cứu được các thông tin giới thiệu hình ảnh về các di tích, cơ sở lưu trú, các sản phẩm du lịch trên trang thông tin điện tử.</p>															
4	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	<p>Hệ thống Công dịch vụ công của tỉnh tuân theo mô hình kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, kế thừa các chức năng đã được xây giai đoạn trước, đáp ứng các yêu cầu về tính năng, kỹ thuật được quy định tại các văn bản mới được ban hành của Chính phủ và Bộ Thông tin & Truyền thông và đáp ứng được nhu cầu sử dụng của lãnh đạo, cán bộ chuyên viên trong tỉnh. Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được nâng cấp thêm các tính năng hỗ trợ tốt hơn cho công dân, tổ chức cho việc sử dụng và khai thác dịch vụ công của tỉnh, hỗ trợ cho việc giám sát, quản lý, điều hành của lãnh đạo, cán bộ tỉnh trong việc theo dõi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính trong tỉnh, đáp ứng các yêu cầu theo quy định về</p>	Chuẩn hóa 100% quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của 1.400 DVC trực tuyến mức độ 4 của toàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân	1.000	1.000				1.000				

		<p>cung cấp dịch vụ công đơn giản, nhanh, chính xác.</p> <p>Xây dựng quy trình quản lý và kiểm soát thủ tục hành chính trong tỉnh, từ các sở ngành đến Phòng Kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh, tích hợp với Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công Quốc gia.</p> <p>Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Công dịch vụ công quốc gia để trao đổi thông tin về thủ tục hành chính, hồ sơ và trạng thái hồ sơ, tích hợp thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia.</p> <p>Nâng cao nhận thức và trình độ CNTT: Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ CNTT được thực hiện trong quá trình triển khai nhằm giúp cho cán bộ quản trị hệ thống nâng cao nhận thức, trình độ CNTT đáp ứng khả năng tiếp nhận, vận hành và duy trì hệ thống phần mềm.</p>															
5	Tạo lập mới cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh	<p>Sản phẩm phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục là ứng dụng CNTT vào lĩnh vực thi đua, khen thưởng các cấp ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, chạy trên giao diện thân thiện, dễ sử dụng.</p> <p>Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục là hệ thống hỗ trợ cho việc quản lý dữ liệu về thi đua khen thưởng theo phạm vi khen thưởng của đơn vị.</p> <p>Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục giúp theo dõi quá trình khen thưởng của cá nhân, tập thể để làm cơ sở xét duyệt khen thưởng ở mức cao hơn.</p> <p>Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục giúp chiết xuất báo cáo nhanh gọn, giảm bớt gánh nặng trong quá trình lưu trữ và tham vấn tài liệu;</p>	<p>Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục</p> <p>Số hóa Tạo lập kho dữ liệu về thông tin cán bộ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, dữ liệu thi đua khen thưởng của các cá nhân giai đoạn 2015 – 2020.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo	2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân	1.500	1.500				1.500				

		<p>Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng ngành giáo dục như một thư viện về quá trình khen thưởng của đơn vị. Khi cần tra cứu hoặc tìm kiếm thông tin sẽ rất nhanh và tiện lợi</p> <p>Giúp hình thành cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan về công tác thi đua khen thưởng ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh;</p> <p>Hệ thống có khả năng lưu trữ lớn, bảo mật cao. Hệ thống được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, tích hợp với các nền tảng dùng chung về hạ tầng, người dùng của tỉnh.</p> <p>Tạo lập kho dữ liệu về thông tin cán bộ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, dữ liệu thi đua khen thưởng của các cá nhân giai đoạn 2015 – 2020;</p> <p>Nâng cao nhận thức và trình độ CNTT: Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ CNTT được thực hiện trong quá trình triển khai nhằm giúp cho cán bộ quản trị hệ thống, giáo viên nâng cao nhận thức, trình độ CNTT đáp ứng khả năng tiếp nhận, vận hành và duy trì hệ thống mới</p>														
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Thông tin người báo cáo:

- Họ và tên: Trần Văn Thương
- Cơ quan, đơn vị công tác: Sở Thông tin và Truyền thông
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Công nghệ thông tin
- Thư điện tử: tranvanthuong.stt@namdinh.gov.vn
- Số điện thoại di động: 0916779981

